

Bản án số: **444/2019/DS-ST**
Ngày: 25-10-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Huỳnh Hậu

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 05 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 09 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N

Trụ sở: đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoài N (có mặt) và/hoặc bà Tạ Thị Thanh T (vắng mặt).

(theo giấy ủy quyền số 171/2018/UQ-NHNA ngày 06/7/2018)

2. Bị đơn: Bà Lữ Thị H - sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/07/2018 và quá trình giải quyết vụ án ông Lê Hoài N và bà Tạ Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng trình bày:

Ngày 06/10/2014 bà Lữ Thị H đã ký với Ngân hàng TMCP N hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng TMCP N – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng TMCP N đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Master Card số 5331470000119721 (số tài khoản thẻ 600002100550001), ngày cấp là 23/10/2014 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N) do đó ngày 25/02/2016 Ngân hàng TMCP N đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng TMCP N đề nghị Tòa án buộc bà Lữ Thị H trả số tiền nợ là 44.703.563 đồng, trong đó: nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.836.541 đồng, phí quá hạn là 307.995 đồng, nợ lãi phí quá hạn là 359.027 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ quá hạn chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Bị đơn: Bà Lữ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bà H vẫn không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quá hạn là 307.995 đồng và lãi của phí quá hạn (tạm tính đến ngày 04/10/2019) là 359.027 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã thanh toán số tiền là 8.691.153 đồng, số tiền này được trừ tiền phí và tiền lãi trong hạn. Do đó, Ngân hàng xác định lại yêu cầu như sau: buộc bà Lữ Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền là: 43.199.007 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 25/10/2019 là 23.199.007 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ quá hạn chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên Tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu đối với tiền phí quá hạn

và tiền lãi của phí quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng do bà H ký ngày 06/10/2014 thì các bên thỏa thuận địa chỉ của bị đơn là đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về thủ tục tố tụng của Tòa án:

Xét bị đơn là bà Lữ Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu đương sự:

Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 06/10/2014 bà Lữ Thị H đã ký với Ngân hàng TMCP N giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, sử dụng thẻ Master Card số 5331470000119721 (số tài khoản thẻ 600002100550001), ngày cấp là 23/10/2014 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã thanh toán số tiền là 8.691.153 đồng, số tiền này được trừ tiền phí và tiền lãi trong hạn. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa buộc bà Lữ Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền là: 43.199.007 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 25/10/2019 là 23.199.007 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Để bảo vệ quyền và lợi ích cho mình, theo quy định pháp luật Ngân hàng đã giao nộp cho Tòa các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng do bà H ký ngày 06/10/2014, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank, biểu phí thẻ của Ngân hàng Nam Á (áp dụng từ ngày 07/05/2013), tóm tắt sao kê, bảng chiết tính nợ vay để chứng minh bà H có ký hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ, giao dịch thẻ, số tiền đã thanh toán và số tiền hiện còn nợ Ngân hàng. Xét các chứng cứ nêu trên có trong hồ sơ là phù hợp với đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về tiền lãi suất:

Xét thấy, tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng do bà H ký ngày 06/10/2014, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank, biểu phí thẻ của Ngân hàng Nam Á thì giữa bà H và Ngân hàng thỏa thuận lãi suất là 21%/năm, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất thẻ tín dụng được công bố từng thời kỳ. Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì việc thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về thời hạn thanh toán:

Do bà H vi phạm thời hạn trả nợ theo như thỏa thuận đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà H phải thanh toán hết một lần số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên Tòa, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quá hạn là 307.995 đồng và tiền lãi của phí quá hạn (tạm tính đến ngày 04/10/2019) là 359.027 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là bà Lữ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.159.950 đồng (*hai triệu một trăm năm mươi chín ngàn chín trăm năm mươi đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn là bà Lữ Thị H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Buộc bà Lữ Thị H phải thanh toán hết một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền còn nợ là 43.199.007 đồng (*bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi chín ngàn không trăm lẻ bảy đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 25/10/2019 là 23.199.007 đồng (*hai mươi ba triệu một trăm chín mươi chín ngàn không trăm lẻ bảy đồng*) theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng do bà H ký ngày 06/10/2014 (sử dụng thẻ Master Card số 5331470000119721 (số tài khoản thẻ 600002100550001), ngày cấp là 23/10/2014).

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do tại phiên Tòa nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đối với số tiền phí quá hạn là 307.995 đồng và tiền lãi của phí quá hạn (tạm tính đến ngày 04/10/2019) là 359.027 đồng.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lữ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.159.950 đồng (*hai triệu một trăm năm mươi chín ngàn chín trăm năm mươi đồng*) và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 893.491 đồng (*tám trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi một đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0016106 ngày 25/07/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Lữ Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Vân